

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
1	TB1.00001	Bùi Thị Quế	Anh	25/08/75	Nữ	Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên		.	.	94.0	9.40	7.00	16.40	16.40	
2	TB1.00002	Phạm Quốc	Cảnh	06/05/85		Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La		.	.	96.0	9.60	6.50	16.10	16.10	
3	TB1.00003	Mai Nguyễn Phương	Dung	02/10/90	Nữ	Trường Đại học Tây Bắc		.	.	96.0	9.40	7.00	16.40	16.40	
4	TB1.00004	Nguyễn Minh	Đức	09/02/80		Sở Kế hoạch & đầu tư tỉnh Sơn La		.	.	94.0	9.20	6.00	15.20	15.20	
5	TB1.00005	Đỗ Mạnh	Hà	08/09/82		Công an thành phố Sơn La		.	.	94.0	9.20	6.00	15.20	15.20	
6	TB1.00006	Nguyễn Thanh	Hà	15/07/89	Nữ	Toà án nhân dân thành phố Sơn La		.	.	98.0	9.80	7.25	17.05	17.05	
7	TB1.00008	Nguyễn Trọng	Hạnh	07/02/79		Công an tỉnh Sơn La		.	.	94.0	9.20	6.50	15.70	15.70	
8	TB1.00009	Giàng Thị	Hoa	06/11/65	Nữ	HĐND tỉnh Điện Biên		.	.	96.0	9.80	5.50	15.30	15.30	
9	TB1.00010	Lò Thị Thu	Hoa	03/03/90	Nữ	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc		.	.	96.0	10.00	7.25	17.25	17.50	
10	TB1.00011	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	13/01/79	Nữ	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La		.	.	96.0	9.60	6.50	16.10	16.10	
11	TB1.00012	Tô Xuân	Hoàng	01/11/69		Công an thành phố Sơn la		.	.	96.0	9.80	7.00	16.80	16.80	
12	TB1.00013	Lường Thanh	Huyền	11/07/88	Nữ	Trường Cao đẳng Y tế Sơn La		.	.	96.0	9.40	7.00	16.40	16.40	
13	TB1.00014	Lê Hữu	Khang	31/08/62		Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên		.	.	94.0	9.40	5.75	15.15	15.15	
14	TB1.00015	Phan Văn	Khanh	18/03/74		Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên		.	.	96.0	9.60	7.00	16.60	16.60	
15	TB1.00016	Nguyễn Trung	Kiên	22/11/75		Công an tỉnh Sơn La		.	.	96.0	9.00	7.00	16.00	16.00	
16	TB1.00018	Nguyễn Văn	May	11/01/70		Sở Ngoại vụ		.	.	90.0	9.20	6.00	15.20	15.20	
17	TB1.00019	Đỗ Ngọc	Minh	30/09/84		Sở Tư pháp tỉnh Sơn La		.	.	96.0	9.20	6.00	15.20	15.20	
18	TB1.00020	Nguyễn Thị	Nga	17/02/84	Nữ	Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông		.	.	90.0	9.00	5.00	14.00	14.00	
19	TB1.00021	Đào Thị Bích	Ngọc	08/01/80	Nữ	Trường Đại học Tây bắc		.	.	94.0	9.20	6.50	15.70	15.70	
20	TB1.00022	Lường ánh	Nhàn	01/08/81	Nữ	Liên đoàn lao động thành phố Sơn La		.	.	94.0	9.20	5.00	14.20	14.20	
21	TB1.00023	Hoàng Thị	Nhung	28/04/87	Nữ	Toà án nhân dân huyện Sông Mã		.	.	90.0	9.40	7.00	16.40	16.40	
22	TB1.00024	Hoàng Thu	Nhường	15/08/78	Nữ	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên		.	.	.	8.80	7.00	15.80	15.80	



Handwritten signature

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ				TH	CN	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
							Nghe	Đ+V	Nói	Tổng					
23	TB1.00026	Tráng A	Say	08/07/89		Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông		.	.	87.0	8.60	5.25	13.85	13.85	
24	TB1.00027	Đèo Thị	Thiết	05/02/87	Nữ	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc		.	.	90.0	9.80	7.50	17.30	17.30	
25	TB1.00028	Vũ Đức	Thuận	29/07/76		Văn phòng luật sư Thăng Long		.	.	86.0	7.40	6.25	13.65	13.65	
26	TB1.00029	Lò Thanh	Thuỳ	09/07/90	Nữ	Trường trung cấp Luật Tây Bắc		.	.	92.0	9.60	6.00	15.60	15.60	
27	TB1.00030	Hà Thị Thanh	Thuỷ	07/09/76	Nữ	Sở Nộ vụ tỉnh Điện Biên		.	.	94.0	9.60	7.25	16.85	16.85	
28	TB1.00031	Lò Thanh	Thuỷ	08/09/81		Huyện Đoàn Quỳnh Nhai - Sơn La		.	.	80.0	9.00	6.00	15.00	15.00	
29	TB1.00032	Lê Văn	Toản	27/09/78		Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Điện Biên		.	.	92.0	9.60	7.00	16.60	16.60	
30	TB1.00033	Đào Thị Quỳnh	Trang	28/10/89	Nữ	Toà án nhân dân tỉnh Sơn La		.	.	94.0	9.80	6.50	16.30	16.30	
31	TB1.00035	Hoàng Anh	Tuấn	19/05/82		Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La		.	.	92.0	9.80	5.50	15.30	15.30	
32	TB1.00036	Hà Duy	Vĩnh	21/12/87		Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên		.	.	93.0	9.40	6.50	15.90	15.90	

CỘNG TRƯỜNG TB1 : 32 THÍ SINH

TRUNG TÂM TIN HỌC

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hải

Nguyễn Văn Tiến *Nguyễn Thuởng Lan*

TS. Phan Chí Hiếu